**Henry Kissinger**

Years of Renewal (Trích)

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Years of Renewal (Trích)](" \l "bm2)

**Henry Kissinger**

Years of Renewal (Trích)

Bản dịch: Phụng Hồng

**chương 17**

The End of Việt Nam

Những ai đã thường hay nghĩ rằng cơn hấp hối của Cam Bốt sẽ làm cho họ vơi đi nỗi đau khổ về giải pháp giải quyết vấn đề Việt Nam sẽ sớm được học hỏi kỷ hơn. Sự kết thúc bi đát của 2 thập niên Hoa Kỳ hy sinh, ghi công và quốc gia phân tán đã chứng tỏ không đạt được mục đích như đã mong đợi.  
Ngày 10 tháng 3, Bắc Việt, đã từ lâu tự cho là không còn bị ràng buộc bởi Thỏa ước Ba Lê nữa đã phóng ra những cuộc tấn công lớn ở Cao Nguyên với những sư đoàn mới xâm nhập từ Bắc. Chúng tràn ngập điểm nối chiến lược Ban Mê Thuột trong 2 ngày, cắt đứt mọi quốc lộ nối liền Sài Gòn với Cao Nguyên, ngoại trừ một con đường đổ nát thường xuyên bị Việt cộng quấy phá. Trong lúc Cao Nguyên đang bị đe dọa trầm trọng thì Trần Văn Lắm, một nhân vật tín cẩn của Tổng thống Thiệu được phái qua Hoa Kỳ để cầu viện. Ông đã báo cáo về Sài Gòn là không còn hy vọng gì nữa để được viện trợ bổ túc thêm của Quốc Hội. Nỗi lo sợ đã trở nên chắc chắn khi lưỡng viện Quốc Hội Dân Chủ (khối đa số) đã biểu quyết trong hai ngày 12 và 13/3 chống lại mọi viện trợ cho Việt Nam.  
Thiệu như đã hiểu như thế, với ngân khoản thiếu hụt, ông ta không còn chống cự được trong toàn lãnh thổ của đất nước ông đang bị nhiễu nhương và đã ra lệnh một cuộc di tản chiến thuật vùng Cao Nguyên. Cùng lúc đó, ông cho tái phối trí sư đoàn I Nhảy Dù từ biên giới phía Bắc về xung quanh Đà nẵng – cả hai biến cố này đều được khởi động cùng một lúc, vào ngày 16/3. Ý định của Thiệu cốt tạo một thế cầm cự giữ chân đến lúc có thể chinh phục được nhiều cảm tình hơn đối với Quốc Hội được bầu vào năm 1976.  
Hành động xuất thần từ một trường đại học chiến tranh, chủ trương của Thiệu trông có vẻ hợp lý. Nhưng cuối cùng đối với thực thể Việt Nam lúc đó, nó đã gây thảm hại. Kế hoạch phóng ra không có chuẩn bị trước và chi tiết hướng dẫn từ Bộ Tham Mưu Liên Quân Sài Gòn, sự di tản chiến thuật chỉ được hành quân trên một con đường độc đạo – quốc lộ 7B – đã bị tàn phá nặng nề và gài mìn vô số. Một công trình kiều lộ quy mô phải được điều nghiên huy động để tái thiết quốc lộ đó xử dụng được, kể cả xây lại nhiều cầu đã sập – một công tác mà những sư đoàn của Nam Việt Nam không được trang bị đầy đủ. Thêm vào với những gia đình của QLVNCH luôn bám sát vào các đơn vị hành quân – nhất là trong trường hợp này, ở Pleiku, thủ phủ của Cao Nguyên. Vừa lúc ngay khi lệnh triệt thoái được truyền ra, hỗn loạn lan tràn khắp nơi với nỗi kinh hoàng, rồi một khối người di tản chạy náo loạn. Những bộ lạc dân sự chiến đấu của các sắc tộc Thượng ở miền núi cũng lo sợ trước nỗi kinh hoàng naaỳ, đã nổi loạn phá phách cướp bóc khi được tin sẽ bị bỏ rơi.  
Con đường di tản độc đạo này chẳng bao lâu đã bị tắc nghẽn dồn ứ bởi chừng 60,000 quân lính và 400,000 người thường dân. Thực phẩm không được tiếp tế và hết sạch nên những quân nhân bị đói tràn vào các làng dọc quốc lộ. Không lực VNCH lại oanh tạc lầm một đơn vị chiến xa bạn đã giết hại nhiều binh sĩ và đồng đội cùng gia đình họ. Bắc quân đã tấn công vào đoàn người di tản này. Chỉ có một số rất ít binh sĩ và thường dân trốn được về cùng duyên hải, những sư đoàn VNCH từng bảo vệ Cao Nguyên đã tan rã.  
Chính ra, CSBV chỉ có ý định mở chiến dịch mùakhô 1975 để chiếm Cao nguyên và mở mặt trận chính thức quyết định vào Sài Gòn đến năm 76. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn, CSBV đã hoàn tất mục đích của chúng mà không bị tổn hao quân số thương vong và thiệt hại cơ giới gì cả. Những sư đoàn dùng để đánh cao nguyên giờ đã rãnh tay để tấn công Đã Nẵng và Huế theo dọc duyên hải làm cho sớm thât thủ. Làn sóng người tị nạn từ Cao Nguyên đã cản trở Sư Đoàn Dù thiện chiến vừa di chuyển từ biên giới phía bắc về, và làm chậm trễ sự phòng vệ những căn cứ chiến lược chính này. Sau này, tướng Văn Tiến Dũng, Tư Lệnh bắc quân đã viết trong hồi ký của hắn: "Sự việc xảy ra đã vượt quá tầm liên kết của chiến dịch và đã đạt tới những tỷ lệ chiến lược. Đây làlần đầu tiên trong trận chiến đông dương, với sự ràng buộc trong một chiến dịch, quân đội của kẻ thù với trang bị tối tân đã bỏ một vùng chiến lược quan trọng và tháo chạy. Tình trạng này đã đưa đến những diễn tiến quan trọng khác, và có thể dẫn chúng ta tới thắng lợi mau chóng để kết thúc chiến tranh."  
Sự dứt điểm ở Trung Đông xảy ra trùng hợp với giai đoạn triệt thoái của Cao Nguyên mà sự gia hạn đã không xảy ra cho đến khi tôi trở lại HTĐ ngày 23/3. Cả hai cuộc khủng hoảng này phải được giải quyết song hành tức khắc. Rồi giữa những sự đau lòng này, một dân tộc bạn khác, nhóm người Kurds mà chúng tôi đang ủng hộ đạ bị quân đội Iraq tàn sát vừa mới được Nga tái trang bị.  
May thay, văn phòng tối cao đã cảmnhận vấn đề giải quyết cuộc khủng hoảng này với lòng nhân đạo. Từ ngày 24/3, Hội Đồng hành động đặc nhiệm HTĐ (HDHDDNHTD) họp tham mưu hàng ngày để cố gắng giải quyết song hành cuộc khủng hoảng ở Đông Dương và Trung Đông. Tin tức ghi nhận từ Việt Nam đã cho thấy một chuỗi dài tàn phá vô tận. Cố đô Huế thất thủ ngày 25/3 (2 ngày sau khi tôi trở về từ một chuyến đi bị hủy bỏ), Đà Nẵng ngày 30/3. Với một triệu người tị nạn ở Đà Nẵng và tiếp liệu thực phẩm đã cạn thì vấn đề căn bản ở vùng đất phía bắc của quốc gia này là nhân đạo chứ không còn là tự vệ nữa.  
Dù sao chăng nữa, ở buổi họp của HDHDDNHTD, chúng tôi đã có những điểm bàn cãi mâu thuẫn. Ví dụ như có người đề nghị xử dụng tàu đổ bộ để di tản dân tị nạn. Chuyên viên đặc trách quốc hội thì cho rằng như thế sẽ vi phạm điều 7 của thỏa ước Ba Lê ngăn cấm viện trợ trang cụ ngoại trừ thay thế vật liệu đã tổn thất – một điều mà CSBV không bao giờ ngó ngàng tời dù trong một ngày. Một đề nghị khác là hoặc giả chúng ta có thể di tản bất cứ dân tị nạn nào bằng bất cứ phương tiện gì trước khi thông báo cho quốc hội biết theo điều khoản của đạo luật chiến tranh. Vấn đề đa được biểu quyết vừa đúng tầm quan trọng của nó là xin thỉnh cầu sự quyết định của tổng thống Ford đã ra lệnh: "Tôi nghĩ rằng chúng ta phải thi hành, thông báo Quốc Hội, và ra thông cáo cho toàn dân biết" Tôi đã diễn dịch sự phán quyết đó bằng ý nghĩa là chúng ta phải tuân thủ chỉ thị đó. Trong cuộc họp của HDHDDNHTD, tôi đã ước tính Việt Nam chỉ có thể tồn tại tối đa là 3 tháng mà thôi.  
Sự sụp đổ rất là buồn thảm, bi đát và cay đắng. Nhưng đối với những người trong chúng ta đã ban hành quyết định, vấn đề dồn dập là làm sao ngay từ bây giờ lo đảm trách cuộc di tản không tránh được của 6 ngàn người Mỹ còn lại cũng như những người Việt Nam sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng vì có liên hệ với Hoa Kỳ. "Tôi muốn có một danh sách của những loại người này," tôi nói trong một buổi họp tham mưu ở bộ Ngoại giao ngày 8/4, "làm sao họ có thể di chuyển đến những địa điểm để từ đó họ được bốc đi, với mệnh lệnh nào, và với sự tham khảo ưu tiên nào với chính phủ." (Đièu này cần thiết bởi bộ ngoại giao, qua ông Đại sứ Hoa Kỳ, lãnh trách nhiệm để di tản).  
Một cách rất là siêu vi, kế hoạch di tản được thi hành từng giai đoạn với những bàn luận có cần viện trợ quân sự cho nam Việt trong giai đoạn chót này và bao nhiêu hay không. Ford và tôi là 2 nhân vật chính tiếp tục đề nghị yêu cầu quốc hội chuẩn chi thêm viện trợ phụ trội cho đến giờ phút cuối cùng. Làm sao để duyệt lại điều hợp vấn đề hầu như gây cấn giữa sự ước tính của tôi về số phận Sài Gòn sống sót, kế hoạch di tản phải yêu sách khẩn thiết, và tiếp tục yêu cầu viện trợ thích đáng cho Việt Nam?  
Vấn đề mấu chốt quá phức tạp của quần chúng (tôi có thể nghi không có một ngoại lệ ý nghĩa nào) là sự tan rã của Sài Gòn, mà sự thay thế Thiệu, và sự thoái triệt toàn vẹn tức thời ra khỏi Việt Nam. Quốc hội cũng quan tâm không kém. Với trợ lực của chính quyền, giám đốc tình báo William Colby đã hiến kế chúng ta sẽ làm áp lực Thiệu để sự di tản Mỹ kiều được dễ dàng. Bộ tham mưu của Ford tại tòa Bạch ốc nôn nóng giải quyết dứt khoát vấn đề Việt Nam để tránh hậu họa cho địa vị tổng thống với những mâu thuẫn về Việt Nam sau này.  
Nhưng với những người trong chúng tôi đã từng hợp hàng ngày ở tòa Bạch Ốc đã trực diện với sự lựa chọn rất thực tế, chứ không phải lý thuyết. Chúng ta cần phải di tản 6,000 Mỹ kiều còn sót lại ở Việt Nam và cố gắng giúp đỡ hàng chục ngàn người Việt Nam sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng vì cộng tác với chúng ta rời bỏ đất nước họ. Nhưng chúng ta không thể di tản bất cứ một người bạn Việt Nam nào của chúng ta người trừ chúng ta kéo dài công cuộc triệt thoái Mỹ kiều, bởi vì quốc hội sẽ chắc chắn phủi tay khi người Mỹ cuối cùng ra đi.  
Dù gì chăng nữa, công việc chúng tôi tiến hàng đòi hỏi duy trì yêu sách của chúng tôi phải giúp đỡ Việt Nam. Đến lúc mà chúng tôi bỏ nó, kinh hoàng sẽ bao trùm toàn thể quốc gia này.  
Ở thời điểm này, quân đội VNCH sẽ quay lại chống đối những người còn lại của chúng ta một cách vô vọng và nổi giận vì sự phản bội của chúng ta. Trong tuần đầu của tháng 4, tôi nói với Colby rằng, cho dù Thiệu sẽ từ chức sớm theo dự đoán, nếu chúng ta hiến ông ta vài cuộc mặc cả, thì Hà Nội cũng tức khắc đòi hỏi người thay thế ông ta cho đến khi chúng tiêu diệt hoàn toàn thể chế chính trị miền Nam (như đã chính thức xảy ra). Ngày ¾, một tài liệu của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam đã xác nhận điều tiên đoán này. Nó mô tả những đề nghị khác nhau về chính phủ 3 thành phần – một mục tiêu duy nhất mà Hà Nội đấu tranh theo đuổi, chiếu theo điều kiện về hòa bình của Hoa Kỳ – là "cốt chỉ phỉnh gạt, cô lập chính phủ Nam Việt".  
Chúng tôi cần thời gian để đồng bộ di tản Mỹ kiều lẫn người Việt cùng một lúc, những người mà chúng ta có một trách nhiệm tinh thần. Duy trì yêu sách viện trợ là một phương tiện độc nhất để giữ vững tinh thần những người Việt vẫn còn sẵn sàng tranh đấu cho một lý tưởng thiêng liêng mà giờ đây bất hạnh thay đã bị liệt vào hạng người được cứu vớt.  
Nhưng sự trợ giúp được đạt đến mức nào? Khuyến cáo của tôi là đề nghị theo nhu cầu của Nam Việt hiện tại. Ngày 28/1 chúng tôi yêu cầu được giúp thêm một ngân khoản phụ là 300 triệu mà TSN John Stennis đã hứa. Ngay cả sự yêu cầu này không liên quan gì đến nhu cầu, nhưng ít ra, Việt Nam cũng đã yên tâm một phần nào và tương đối được trấn an. Số tiền này không còn đủ nữa để giải quyết những sự thiệt hại chung quanh chúng ta. Ford đồng ý và phải Tướng Fred C. Weyand, Tham mưu trưởng Lục Quân, đã từng chỉ huy Sư Đoàn I Không Kî ở Việt Nam, đến Sài Gòn để nghiên cứu lượng định vấn đề thực tế hơn.  
Xuyên qua những mâu thuẫn này, Ford trở nên cứng rắn hơn; rất giản đơn ông hoàn toàn không thể tưởng tượng hình dung được sự bỏ rơi những người đã hy sinh liều lĩnh tính mạng họ qua hàng chục năm vì cpng tác với 5 đời Tổng Thống Mỹ của lưỡng đảng Hoa Kỳ đã tuyên bố là sự thiết yếu của nền an ninh cho thế giới tự do. Tôi đã cố làm hết sức mình để bảo đảm người can đảm và ưu tú này sẽ có một tầm lựa chọn rộng lớn và giúp cho Ford một lối thoát. Ngày 27/3, trong khi sự sụp đổ về quân sự hầu như sắp xảy ra, tại văn phòng lầu bầu dục, tôi đã kết luận trong bài diễn văn ngắn về yêu cầu quân sự của Sài Gòn như sau:  
“Tôi nói điều này với con tim rướm máu – nhưng có lẽ anh phải bỏ lại Việt Nam sau anh và đừng làm tổn thương thành nhiều mảnh quốc gia này một lần nữa. Những thỏa thuận về Việt Nam đã căn cứ trên hai điều: sự đe dọa về can thiệp quân sự của chúng ta và sự tiếp tục viện trợ. Trong tháng 7/73, chúng ta đã ngưng yểm trợ, và chúng ta cũng cắt giảm viện trợ dưới mức tối thiểu của yêu cầu. Bây giờ chúng ta đang đứng trước một tình trạng tuyệt vọng.”  
Ford không nghe thấy bởi vì, ông ta nói, nó sẽ đi “ngược lại với ý tôi”. Câu trả lời của ông ta cũng như thế trong ngày 3/4 khi tôi nhắc ông là ông không còn cơ hội để làm một cái gì nữa. Ngày 9/4, ngay trước khi Ford yêu cầu được tăng viện cho Việt Nam, tôi lưu ý ông ta về quan điểm của Ron Nessen là Tổng Thống sẽ đưa nước Mỹ ra khỏi Việt Nam chứ không phải can thiệp vào. Ford trả lời: “Đó không phải là con đường tôi đi ... tôi không thể làm như vậy được.”  
Trong buổi họp báo ngày 3/4 , Ford vẫn giữ lập trường yêu cầu viện trợ cả về kinh tế lẫn quân sự cho Nam Việt. Ông ta lên án CSBV vi phạm thỏa uớc Ba lê, phê bình Quốc Hội đã cắt giảm yêu cầu của chúng tôi về viện trợ cho Nam Việt , và ra lệnh một cuộc không vận khẩn cấp 2000 trẻ em mồ côi. Ford tránh né mũi dùi của các phóng viên đòi làm áp lực Thiệu vì “Tôi không tin rằng đó là yêu sách của tôi buộc tội một vị nguyên thủ quốc gia được dân bầu phải rời khỏi chức vụ ra đi.”  
“Chúng ta sẽ sát cánh với bạn đồng minh của chúng ta , và tôi đặc biệt cảnh cáo mọi kẻ thù, chúng sẽ không thể, dưới bất cứ một trường hợp nào nghĩ rằng thảm kịch Việt Nam là một bằng cớ nhân dân Mỹ đã mất truyền thống hay tham vọng của họ để đứng vững bảo vệ tự do ở bất cứ một nơi nào trên thế giới.”  
Đó là những sự kiện rất bất thường và Ford đã tiến hành một cách thầm lặng, hầu như tế nhị, như không có gì dính líu tới quyền lợi của quốc gia nữa.  
Phản ứng của dư luận đã được tiên đoán. Ford bị tờ Nữu Ước Thời Báo chỉ trích là lầm lẫn, và tờ Washington Post thì cáo buộc là chơi trò gian lận. Nhân đạo hơn một chút, tờ Los Angeles Times thì đòi hỏi một “chiều hướng mới”, được định nghĩa là chấm dứt viện trợ quân sự cho Đông Dương. Khi tôi lập lại những lời tranh luận của Ford ở cuộc họp báo ngày 5/4, tôi đã lĩnh hội cùng một đối xử và câu hỏi như: Làm sao chúng ta có thể trông đợi sự hợp tác của Quốc Hội trong khi chúng ta vẫn công kích Quốc Hội những gì đã xảy ra? Cái gì làm cho chúng ta nghĩ rằng nếu có nhiều tiền hơn thì sẽ làm được nhiều điều tốt hơn chăng? Có phải tất cả không phải là lỗi tại ông Thiệu chăng? Làm sao chúng ta đã ký thỏa ước Ba Lê rồi bây giờ mong đợi một lối thoát khác? Và thực tiễn hơn hết là tính chất của hành động chúng ta tại Nam Việt là gì?  
Tôi trình bày lại những gì tôi đã nói những tháng trước. Yêu sách của chúng tôi dựa trên căn bản của một sự ràng buộc về tinh thần, chứ không phải pháp lý:  
“ Đó là một vấn đề trách nhiệm tinh thần rất quan trọng của Hoa Kỳ đối với những người với những sự khuyến khích của Mỹ, đã tranh đấu sau bao nhiêu năm sẽ được Hoa Kỳ xác nhận vào thời khắc cuối đời rằng trong lúc họ muốn tiếp tục tranh đấu thì Hoa Kỳ không muốn giúp đỡ họ nữa.”  
Tôi kết luận với lời kêu gọi này:   
“ Nhiều người trong các anh đã nghe tôi trình bày về vấn đề này bây giờ từ 6 năm qua, và không ai trong các anh, tôi nghĩ vậy, đã nghe tôi thắc mắc về sự làm việc và quan tâm của những người chống đối lại chiến tranh. Điều chúng ta có thể hỏi là những người trong các bạn đã từng đau khổ vẫn nhớ trong trí rằng đã có một tấn thảm kịch lớn của nhân loại mà những người trong chính quyền đã duyệg xét và họ đã cố gắng giải quyết vấn đề trong chiều hướng thuận lợi nhất cho Hoa Kỳ và trong quyền lợi tối đa của nền hòa bình thế giới.”  
Hết đường trông cậy giúp đỡ được nữa rồi. Thật là quá tiếc khi TNS Henry Jackson một lần nữa lại liên kết với phe chống đối. Mặc dù chúng tôi bất đồng ý kiến về đường lối Đông Tây nhưng chúng tôi vẫn phải tiếp tục xem ông ta như là một bạn đồng minh trong cục diện đối đầu với cộng sản. Nhưng đến ngày 8/4 ông ta lặp lại sự phản đối trước đó về viện trợ thêm cho Việt Nam trên cơ sở yêu cầu thỏa hiệp ngầm, đồng ý, hiểu biết trên giấy trắng mực đen mà ông ta nhấn mạnh Ford đã hứa hẹn với ông vài điều. Điều cáo buộc này thật sự sai lầm. Đằng sau vấn đề nông nỗi này đã thấy xuất hiện những xáo trộn của sự chống đối trong toàn quốc bắt đầu lan rộng. Đề nghị một ông Ngoại trưởng nên dấu thỏa hiệp ngầm không cho Tổng thống biết là một điều bất ổn như ngu xuẩn và đánh dấu một mức thấp kém trong sự mẫu thuẫn nội bộ.  
Sự kêu gọi của Ford và tôi không bao giờ căn cứ trên những hành động trình diễn hình thức. Tất cả những gì chúng tôi phàn nàn, yêu cầu để giúp Việt Nam khi bị tấn công là vì trách nhiệm tinh thần mà thôi. Cái chết khắc khoải của Việt Nam cũng ít ra khôi hài như những kẻ từng bị đả kích trên chính trường lại đòi danh dự và trách nhiệm tinh thần trong lúc những điều chỉ trích của họ vô trách nhiệm và họ hành động như những luật sư tìm những sơ hở trong một khế ước.  
Tướng Weyand đã báo cáo với tổng thống Ford ở Palm Springs ngày 5/4. Ông nói tình trạng quân sự đã kiệt quệ và ông mô tả những lựa chọn trước chúng tôi như sau: 300 triệu mỹ kim phụ trội chỉ để thay thế một phần những vật dụng tiêu thụ mà tôi. Nó không thể tài trợ cho sự hao hụt to lớn về chiến cụ đã thiệt hại trong vài tuần qua. Đã thế, QLVNCH lại không được nhận trang bị thay thế trong vòng 2 năm tới. Do đó, Weyand tranh luận sự trợ giúp lúc đầu đã không được đầy đủ. Thêm vào đó, ông ta đệ trình một danh sách liệt kê những nhu cầu cần thiết để tái lập những đơn vị đã bị tiêu diệt mới đây ở chiến trường. Tổng số tối thiểu có thể chấp thuận là 722 triệu đồng.  
Nhìn trên một khía cạnh khác, điều này thật là nghịch lý. Việt Nam sẽ bị sụp đổ trước khi mọi chiến cụ sẽ được chở đến. Cùng lúc đó, nếu chúng tôi có đưa ra một đề nghị nào, chúng tôi sẽ có một chương trình chấp thuận với một căn bản hiểu biết nào đó. Đó là một ngân khoản tối thiểu được dành dụm để giúp thêm Nam Việt một cánh tay tranh thủ thời gian để di tản. Và nếu Việt Nam sụp đổ trước khi mọi viện trợ đổ vào, thì ít ra chúng ta đã trút được một trách nhiệm tinh thần. Ford đã chấp thuận đề nghị ngân khoản của Weyand.  
Diễn biến buổi họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngày 9/4 cũng cùng trong tinh thần hiểu biết đó. Ford được đệ trình 3 dự thảo: không xin một ngân khoản nào nữa, chấp thuận 300 triệu cho 3 tháng như đã dự trù, ủng hộ lời khuyến cáo của Weyand 722 triệu. Sự bàn cải theo chiều hướng đã vạch sẵn. Mọi người đều đồng ý cúp viện trợ toàn bộ, sẽ chấm dứt mọi ảnh hưởng về chiến cuộc. Schlesinger khuyên nên sử dụng 300 triệu để nếu chẳng may QLVNCH tan rã, thì sẽ khỏi phải bàn cãi với quốc hội về sự khác biệt. Tôi thuận theo đề nghị của Weyand vì vơi 300 triệu so với tình hình trầm trọng trong những tháng dần đây sẽ không đủ gì cả như ném vài cọng rác vào một giẻ lau. Giúp cho Nam Việt một sự sụp đổ từ từ sẽ không có một sự khác biệt nào như đề nghị đã chọn. Bất luận từ ý chúng tôi sẽ suy tư như thế nào về thái độ của chúng tôi sau đó.  
Ford công bố quyết định trước HĐANQG sau buổi họp với những lời giải thích thật dài và rất hùng hồn hơn thường lệ:  
“Tôi sẽ xin ngân khoản 722 triệu, vì chúng ta sẽ có lý do chính đáng. Ít ra vấn đề sẽ rõ ràng trắng đen. Tôi sẽ yêu cầu được thi hành trong một ngày chắc chắn, có lẽ là 1/5 mặc dầu chúng tôi vẫn còn chưa quyết định rõ.”  
“Tôi sẽ xin viện trợ nhân đạo nhưng không qua LHQ. Lý do thứ 3 là tôi sẽ xin được toàn quyền mà tôi nghĩ là cần thiết, để di tản Mỹ Kiều và những người khác mà chúng ta có trách nhiệm bảo vệ.”  
“Tôi không loại trừ quan điểm để cho Bắc Việt biết rằng mọi sự can thiệp do cố gắng nhân đạo của chúng ta sẽ gặp nhiều biện pháp mạnh. Đó là lý do tại sao tôi uyển chuyển vu vi.”  
“Đây là những lời lẽ cứng rắn của riêng tôi, có lẽ không phải là của Church Ill. Đây không phải là lời kêu gào.”  
“Tôi yêu cầu Jim Schlesinger nên dè dặt. Nhưng đây là một chỉ thị. Đó là một nhóm người độc nhất phải biết. Tôi đã bỏ ra nhiều thì giờ để nghiên cứu nó, bây giờ và về trước phải lùi lại đến 1952. Tôi nghĩ rằng đường lối của chúng ta đi ngược lại thời điểm tổng thống Truman và Eisenhower là một đường lối chính xác. Chúng ta đã không luôn luôn thực thi đúng và chúng ta đã vi phạm lỗi lầm. Nhưng đó là một đường lối đúng đắn...”  
Qua ngày 10/4 tổng thống đọc diễn văn trước lưỡng viện với một bài diễn văn cứng rắn và không nhượng bộ, ông đã ủng hộ chủ đích đã làm cho các vị tiền nhiệm đưa Hoa Kỳ can thiệp vào Đông Dương, hướng dẫn diễn tiến hòa đàm Ba lê và chỉ trích Hoa Kỳ đã không tiếp vận đầy đủ cho bạn đồng minh và bắt buộc thi hành đúng hiệp định Ba lê. Ford kết luận bằng cảnh cáo QH về vài điều khoản dụng chạm đến chính sách đối ngoại của chúng ta:  
“Rằng quyền lợi qg của Hoa Kỳ và lý do của nền anh ninh thế giới buộc chúng ta tiếp tục viện trợ cả hai mặt quân sự và nhân đạo cho Nam Việt... Chúng ta trong lúc này không thể bỏ rơi những người bạn của chúng ta trong lúc kẻ thù chúng ta yểm trợ và khuyến khích bạn đồng minh của chúng. Chúng ta không thể giải giới sự tự về, đường lối ngoại giao hoặc khả năng tình báo của chúng ta trong lúc những kẻ khác gia tăng và cũng cố lực lượng chúng ta.”  
Ngày hôm sau, tôi tổng kết lại quan điểm của tôi về những yếu điểm trong một buổi thảo luận với ban tham mưu chính ở Bộ Ngoại Giao:  
“Đêm qua nếu tổng thống đã nói những gì mà các dân biểu cho là ông phải nói – như là “Chúng ta đã làm đầy đủ, chúng ta không thể viện trợ quân sự thêm” – tôi nghĩ Phil Habid (phụ tá ngoại trưởng đặc trách Đông Á sẽ đồng ý có sự không kiểm soát toàn diện, sụp đổ kinh hoàng ở Sài Gòn bắt đầu từ sáng hôm nay. Một khi mà tổng thống đã quyết định ông sẽ không làm gì nữa, ông cũng có thể hỏi có những cái gì đúng trong vấn đề này bởi vì sự chống đối của QH không liên quan đến hình thức mà là nguyên tắc...  
“Sự kiện này bây giờ đang diễn tiến hợp lý như đã tiên đoán. Và những gì chúng ta đang cố gắng lalm là thực thi nó trong danh dự và dự trù một cản bản theo đó chúng ta có thể áp dụng đường lối đối ngoại mà toàn dân có thể tin tưởng nơi chúng ta...  
“Chúng ta sẽ không buộc tội bất kỳ ai đã sai lầm. Tôi không có dự tính khi biến chuyển này chấm dứt sẽ rắp tâm trả thù và đi chu du khắp nước. Tôi nghĩ rằng toàn dân sẽ thất vọng khi mọi việc chấm dứt. Tôi không nghĩ rằng sẽ có nhiều anh hùng trong cuộc. Nhưng Bộ này sẽ giữ vững lập trường về những điều phải. Chúng ta không còn chọn lựa nào khác trên thế giới.”  
I. TRANH LUẬN VỀ KẾ HOẠCH DI TẢN  
Đây là những điều rất xa sự khôn ngoan hiểu biết thường lệ ở cả Quốc Hội lẫn quần chúng. Phần đông đểu đỏi hỏi chúng tôi nên thi ân đối với một qg mà chúng ta đã gắn bó trên 2 thập niên.  
Đối với chính quyền, bài diễn văn của tổng thống đã chuyển những sự mâu thuẫn từ yêu cầu tăng viện đến làm sao để đối đầu với sự gia tăng sụp đổ của Nam Việt. trên thực tế, nó rút gọn lại còn vấn đề là làm sao di tản nhanh chóng và với sự quan tâm mức độ nào về số phận những người Việt đã từng làm việc với chúng ta.  
Ngũ giác đài muốn di tản nhanh chừng nào hay chừng nấy. Như ở Cambốt, vận sự diễn tiến với vận tốc điển hình, cũng vừa đủa thì giờ để di tản một số người Việt lâu dài hơn mà không làm chậm trễ việc di tản Mỹ kiều ở một mức độ càng nhanh càng tốt. Ngũ giác đài thấy không có tổn thương nhân mạng, những yêu sách của Quốc Hội, hay những tai sảnh do sự di tản kéo dài. Có kinhh nghiệm về giấy tờ trên chiến trường, ngũ giác đài đã thiết lập một hồ sơ để chứng minh rằng với lý do hoàn toàn chính trị, những Mỹ kiều không được di tản với nhịp độ mà khả năng không vận đã được chấp thuận. Không vận bằng Các 141 rời khỏi Sài Gòn hàng ngày với nhiều ghế trống để chứng minh rằng, nếu có bất kỳ một thương vong nào, thì đó là lỗi ở một người khác – ông đại sứ Martin hay là tôi.  
Graham martin đứng ở đầu mút kia. Điều hành cuộc di tản thường là truyền thống trách nhiệm của Bộ Ngoại Giao, với sự điều động của vị Đại sứ như là một viên tư lệnh. Martin được sinh ra để làm tướng – hoạt động ở nước ngoài tương dương với Douglas MacArthur. Ông ta có quan điểm dứt khoát riêng về tốc độ di tản rất lạc quan mà không đi xa đường hướng của Hoa Thịnh Đốn. Rất quan tâm đến những người sớm bị bỏ rơi, Martin thấy có bổn phận kéo dài sự di tản Mỹ kiều trong một thời gian dài nhất ngõ hầu duy trì vừa đủ sự hiện diện của Mỹ kiều để có lý do chính đáng mà cứu vớt người Việt. Tin tưởng như thế, trong một thời gian ngắn, sự kinh hoàng ở ssg là một mối lo âu lớn hơn cả khả năng của Hà Nội, Martin làm trì trệ các di tản thật chậm hơn cả Ford, Scowcroft hay tôi – những con “diều hâu” của chính quyền – đã tiên liệu hợp lý. Ông ta đánh điện tới tấp kể báo cáo về chúng tôi mà nội dung chính là để dọa tôi sẽ là người chịu trách nhiệm nếu có nhiều người tị nạn bị bỏ lại một cách oan uổng. Bộ Ngoại giao đã bị tấn công hai mặt: một bên là Ngũ giác đài chỉ trích là di tản chậm, còn một bên là Martin đã đổ lỗi cho chúng tôi là đã bỏ đi quá mau, nên chúng tôi đã bị tai tiếng hơn là phần thưởng sáng giá.  
Tuy vậy, quan niệm của tôi thiên về Martin nhiều hơn là ngũ giác đài. Tôi đứng về phe Martin là cốt giữ lời hứa giúp tương lai Nam Việt được sống sót – kể từ khi thời gian di tản được ban hành. Ngay cả sau khi triệt thoái Cao nguyên, Martin đã biến cải một sinh lộ có thể được thiết lập chung quanh Nha Trang, Sài Gòn hoặc vùng Châu Thổ Tam giác – một đề nghị được bàn cãi bởi Phil Habib, một người không đủ sức quán xuyến mọi vấn đề. Khi sự sụp đổ của Sài Gòn đã trở nên quá rõ ràng, Martin cãi lại rằng chúng ta có thể giải quyết vấn đề bàn giao chính quyền ở Sài Gòn bởi một chính phủ hòa hợp vừa đủ để duy trì cuộc không vận dân tị nạn trong nhiều tuần nữa hơn là tối đa dự trữ. Đã từng ngồi đối diện với Lê Đức Thọ torng nhiều năm, tôi đoan chắc rằng ông ta không bao giờ chấp thuận sự chuyển tiếp ôn hòa chính quyền hoặc bất cứ một hình thức chính trị tự trị nào khác ở Sài Gòn, tuy nhiên tạm thời – chứ không phải tự trị, dù ngay cả chỉ có cộng sản một mình. Hà Nội sẽ không để cho chủ nghĩa Tito xuất hiện ở Nam Việt.  
Tôi đồng ý với đối tượng của Martin, chính sách của chúng ta phải căn cứ trên sự gia tăng diễn tiến của tình báo để Nam Việt có thể chỉ tồn tại trong vài tuần.  
Với sự chấp thuận của tổng thống vì thế cho nên tôi đã chấp thuận kế hoạch sau đây: Thứ nhất, chúng tôi quyết định trực thăng vận trong một ngày phải có khả năng bốc đi khoảng 1250 người. Trên căn bản đó, trong ngày 18 (tuần sau bài diễn văn của tổng thống) tôi ra lệnh cho martin giảm bớt nhân viên Mỹ đến mức độ đó đến ngày 22/4. Nhóm mỹ kiều cuối cùng này, với những nhân viên người Việt còn lại nhiều chừng nào tốt chừng đó, sẽ được di tản từ sân tòa Đại sứ trong trường hợp phi trường Sài Gòn bị đe dọa. Trong thời gian can thiệp này, một cố gắng tối đa sẽ được thực hiện để di tản người Việt, dành ưu tiên cho những ai tự trình diện thẳng với người đại diện của chúng ta.  
Áp lực từ phía Thượng Viện phải rút quân khỏi Việt Nam đã tăng hàng ngày. Ngày 14/4 toàn thể Ủy ban giao tế hải ngoại kêu gọi tổng thống tại văn phòng của ông, đây là lần đầu tiên xảy ra kể từ đời tổng thống Woodrow Wilson. Schlesinger và tôi đã trình bày gần giống nhau về tình hình quân sự và viễn tượng của Sài Gòn. Mấy thượng nghị sĩ danh tiếng trả lời rằng họ không phải đến đẻ bàn cãi về chiến lược của Việt Nam mà là để gia tăng tốc độ di tản Mỹ kiều và để bảo đảm chúng ta không trì hoãn nó để cứu người Việt Nam. Họ cho rằng ưu tiên cứu người Việt sẽ làm cho chúng ta phải trở lại dùng biện pháp quân sự để can thiệp. Ford kể lại sự việc này trong hồi ký của ông ta:  
“Thông điệp đã rõ ràng: rút khỏi nhanh chóng. Tôi sẽ cho anh một ngân khoản lớn để di tản”, Jacob Javits thuộc đơn vị New York nói, “nhưng sẽ không có một đồng xu nào cho viện trợ quân sự cả.” “Frank Church thuộc Idaho thấy vấn đề trầm trọng hơn, có thể lôi kéo chúng ta vào một cuộc chiến lan rộng, nếu chúng ta toan tính di tản hết những người Việt trung thành với chúng ta. Joseph Biden thuộc Delaware cũng nói với một luận điệu như thế, “Tôi sẽ bỏ phiếu thuận bất cứ một ngân khoản nào để bốc người Mỹ đi, ông nói, tôi không muốn lẫn lộn với việc bốc người Việt đi.”  
Tổng thống đã trả lời lễ phép nhưng cứng rắn không nhượng bộ: “Hãy tin tôi đi, chúng ta muốn câu giờ, dù chỉ vài ngày. Cám ơn quý vị đã đến đây. Chúng ta đã có một cuộc tranh luận hữu íhc nhưng QUYẾT ĐỊNH LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TÔI VÀ TÔI SẼ SAN SÀNG NHẬN LẤY MỌI HẬU QUẢ.  
II. ĐI TÌM MỘT GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ  
Những nhà phê bình và Quốc Hội lẽ dĩ nhiên đã có những tương giao khác: “giải pháp chính trị lạc quan của họ”. Những khía cạnh đối đầu hoàn toàn với sự thất bại không có gì để đề nghị với phe địch và sự liều lĩnh nguy hiểm hơn có thể xảy ra đối với những người trung gian. Pháp đã tỏ ra muốn trục lợi nên có vẻ hăng hái. Nhưng ngay cả trong khi chúng tôi đã suy luận ôn hòa về những biện pháp khác nhau của Pháp đưa ra hầu chi đôi Nam Việt, chúng tôi đã suy luận chủ mưu của Pháp – như ở Cam Bốt – là có vẻ còn cay cú đã mất ảnh hưởng thuộc địa từ lâu hơn là có thiện chí hành động cụ thể để giải quyết chung cuộc thảm trạng Việt Nam. Còn lại một giải pháp “chính trị” độc nhất mà chúng tôi nghĩ đến là sát cánh với Mạc Tư Khoa, mà mặc dù có sự rạn nứt về hiệp ước thương mãi, vẫn tiếp tục còn mối liên lạc thân hữu với Mỹ. Breznhev vẫn còn vững tin sau buổi hội thượng đỉnh về vấn đề an ninh châu Âu mà ông ta đã đeo đuổi trong ba năm nay và bây giờ muốn sắp xếp được tái họp trong cuối tháng 7 này. Tôi nói trong buổi họp hàng ngày với các giới chức cao cấp Bộ ngoại giao ngày 18/4 rằng chúng ta phải kết chặt với Nga sô mặc dầu tôi đã lượng định cái may mắn họ có thể làm một nguy ngốn bấp bênh mà sử gia Anh Edward Gibbon đã nhận định: sự tin tưởng đó là nguồn gốc của sự yếu đuối thất bại và sự yếu đuối ít khi được tin cẩn. Chính những điều làm cho chúng tôi yếu vì lựa chọn chứ không phải bởi sự cần thiết đã làm cho tình trạng của chúng tôi đặc biệt rối ren, phức tạp.  
Qua ngày 19/4, tôi đã gửi một lời nhắn của Ford đến Brazhnev qua Dobrynin (Một lời nhắn là một tài liệu viêt tay có cùng nghĩa như một cuộc đàm thoại nhưng được viết lại chính xác và rõ ràng hơn) thông điệp đó nói rằng “một cuộc ngưng bắn ở Việt Nam rất cần thiết cho sự di tản Mỹ kiều và những người Việt ở miền Nam mà chúng tôi có sự ràng buộc trực tiếp và đặc biệt”. Chúng tôi đã liên kết chặt chẽ với mạc Tư Khoa, chúng tôi nói với những lời rắn rỏi đe dọa, bởi vì đó là những quyền lợi chung lâu dài mà tình hình được đem lại cho sự kết thúc trong chiều hướng không làm thiệt hại mối bang giao Nga Mỹ hay làm tổn thương thái độ của nhân dân Hoa Kỳ đến những vấn đề quốc tế khác.”  
Để cho vấn đề trở nên thực tế hơn về lời kêu gọi thiết yếu này, chúng tôi đã tỏ thiện chí bàn luận đến những trường hợp chính trị đặc biệt có thể làm cho sự ngưng bắn hiẹu lực, nói khác đi, một sự thay đổi về thể chế ở Sài Gòn. Chúng tôi đã tiên liệu và lo lắng những hậu quả nguy hiểm của một cuộc tấn công vào phi đạo và phi cơ dân sự – mặc dầu một quan sát viên chuyên môn của Quốc Hội Mỹ khước từ cũng như Dobrynin không cho rằng sự đe dọa đó quá trầm trọng.  
Trong lúc chờ đợi Nga sô trả lời, ngày 20/4 Martin đề nghị tổng thống Thiệu nên từ chức. Martin nói trong khả năng cá nhân của ông ta, mặc dầu diễn tiến sự việc đã được Ford chấp thuận và điều hợp với văn phòng của tôi tại tòa Bạch Ốc. Tôi không có một ảo tưởng nào về sự đáp ứng của bắc Việt đối với bước đầu này, nhưng tôi nuôi niềm hy vọng thiện chí chúng tôi có thể đưa đến một cuộc thương thuyết, cho chúng tôi thêm vài ngày nữa để di tản những người bạn của chúng tôi. Với một sự lạnh nhạt hơn bao giờ hết, Thiệu đã trả lời Martin rằng ông ra sẽ làm điều tốt nhất cho xứ sở ông. Martin kết thúc bản báo cáo về Hoa Thịnh Đốn với lời ghi đanh đá: “Tôi trở về nhà, đọc bản tin hàng ngày từ Hoa Thịnh Đốn, tắm rửa, chà cọ rất mạnh thân hình với xà phòng thơm nhất chưa từng thấy mà không hiệu nghiệm gì cả!” Ford, Scowcroft và tôi cũng cảm thấy như vậy.  
Sự nôn nóng di tản tối đa cấp tốc số người Việt không ràng buộc với bộ tư pháp là cơ quan đã từ chối miễn trừ cấp chiếu khán. Hình như đó là điều kỳ lạ đối với những ai chưa quen với Hoa Thịnh Đốn về việc một tổng thống có thể ở vào một vị thế buộc phải đấu tranh cam go với nhân viên văn phòng mình về ý muốn “gia hạn thường trú” – một danh từ chuyên môn ám chỉ việc miễn trừ chiếu khán – vì đó là quyền của hành pháp. Sau cùng, ngày 22/4, Bộ Tư pháp – với sự chấp thuận của Ủy ban Tư pháp Thượng Viện – đồng ý miễn trừ hạn chế cho 130 ngàn dân tị nạn từ Đông Dương đến, kể cả 50 ngàn người thụộc diện tối nguy hiểm. Ngoại lệ cuối cùng giống như thế đã được thực thi năm 1960 đối với dân tị nạn CuBa.  
Trong lúc những giới chức cao cấp Hoa Thịnh Đốn đang cố gắng dàn xếp những bất đồng hai Tham Vụ ngoại giao – Lionel Rosenblatt và Craig Johnstone – đã từng phục vụ ở Việt Nam từ trước đã làm một cái gì theo khả năng để giảm bớt không khí căng thẳng. Ngày 20/4, họ từ chức vụ ở Hoa Thịnh Đốn không có sự chấp thuận. Bay qua Sài Gòn bằng tiền túi và với thông hành dân sự (không phải ngoại giao), họ giúp vài người bạn Việt đã từng cộng tác với họ lo di tản. Đó là một hành động vi phạm và xé rào kỷ luật của Sở ngoại vụ và biết bao nhiêu lề lối khác của bộ ngoại giao. Văn phòng bộ ngoại giao rất bất mãn và được khuyến cáo trừng phát từ giải nhiệm đến khiển trách nặng nề, điều này có thể nguy hại lớn đến nghề nghiệp của Rosenblatt và Johnstone. Khi họ trở lại Hoa Thịnh Đốn hai tuần sau đó, tôi nói với Larry Eagleburger rồi sau đó với phụ tá ngoại trưởng đặc trách hành chánh đọc cho họ nghe các điều khoản trừng phạt và dẫn họ vào văn phòng tôi. Sau khi nói lớn tiếng khiển trách như thường lệ, tôi phán “có vài chuuyện nhỏ chúng ta có thể tự hào trong tầng cuối cùng này. Nhưng các anh đã đem lại điều tốt đẹp cho xứ sở và cho sở ngoại giao. Sẽ không có sự trừng phạt nào cũng như không có biện pháp kỷ luật. Một năm sau, tôi chứng kiến một người được lãnh giải thưởng tối danh dự của Bộ ngoại giao. Johnstone được giữ lại ở sở Ngoại giao về sau trở thành Đại sứ ở Algieria còn Rosenblatt đã dành đời mình và tay nghề để phục vụ trong một hội tư để giúp dân tị nạn.  
Đến đêm 21/4, Nguyễn Văn Thiệu từ chức với một bài diễn văn chua chát tố cáo Hoa Kỳ thất bại trong việc ép buộc thực thi hòa đàm Balê và nuốt lời hứa giúp đỡ vật chất cho Nam Việt. Quần chúng lạnh nhạt thờ ơ trước sự ra đi của ông. Hai tờ Washington Post và New York Times đã cho rằng một “thỏa thuận thương lượng” về hòa đàm Ba lê cuối cùng, bây giờ có thể có được, vì Thiệu là một chướng ngại vật cho việc thương thuyết. Những điều than phiền của Thiệu đã bị bỏ qua như là “điều đã làm chính giới Việt Nam bất lợi và điên đầu”, mặt khác người dân phe cấp tiến rất vui mừng bênh vực chính quyền.  
Thiệu có đủ mọi lý do để bực mình với thái độ của Hoa Kỳ. Mặc dầu ông ta ghét tôi như một số người khác vì tôi giữ trách nhiệm torng việc thương thuyết để chấm dứt vai trò quân sự của Mỹ, tôi vẫn giữ trách nhiệm trong việc thương thuyết để chấm dứt vai trò quân sự của Mỹ, tôi vẫn kính trọng ông ta như là một người yêu nước, một nhà ái quốc đã phục vụ đất nước ông với can đảm và danh dự. Thiệu không bao giờ là chướng ngại vật của hòa bình như một số phản chiến phê bình buộc tội. Cả hai ông ta và đất nước ông xứng đáng có một số phận tốt hơn. Nếu tôi nghĩ rằng sau cùng Quốc Hội có thể cúp viện trợ cho một người bạn đồng minh khốn khổ, tôi sẽ không làm áp lực như tôi đã làm trong lần thương thuyết cuối cùng vào năm 1972.  
Những hy vọng về một giải pháp chính trị cho thấy rất là mong manh như kinh nghiệm chúng tôi từng chứng minh. Đài Hà Nội tấn công nhân vật kế vị Thiệu, Trần Văn Hương, rất thậm tệ như đã chửi sự ra đi của Thiệu. Chẳng bao lâu sau khi Thiệu rời khỏi nước, Hà Nội đã leo thang mọi đòi hỏi của chúng, nhấn mạnh đến mọi Mỹ kiều dân sự và quân sự phải rời khỏi nước ngay tức khắc.  
Hai mươi năm hy vọng, giận hờn, bất đồng về Việt Nam bây giờ rút gọn lại vào một mục tiêu đơn thuần: cứu vớt tối đa người Việt Nam nạn nhân của hậu quả Mỹ bỏ rơi. Chúng tôi ở tại tòa Bạch Ốc theo dõi mỗi chuyến bay của dân tị nạn như là có một cái gì đền đáp lại những nỗi khổ của cuộc chiến với Hoa Kỳ. Bắt đầu ngày 21/4 cuộc không tản 24 giờ từ Sài Gòn được bắt đầu với Các 141 bay ban ngày và Các 130 ban đêm. 10 ngày sau, công việc này đã di tản được 50 ngàn người Việt (80 ngàn người khác trốn thoát bằng phương tiện khác). Chỉ còn một cuộc tranh luận nữa với chính phủ chúng tôi là trong bao lâu nữa cầu không vận mới chấm dứt?  
Thiện chí của cộng sản cho chúng tôi thời gian giảm bớt khi bộ tham mưu tòa Bạch Ốc công bố một sự thắng lợi điển hình: họ lồng vào bài diễn văn của tổng thống đọc tại đại học Tulane tại New Orleans một câu liên quan đến ảnh hưởng cho rằng cuộc chiến đã thực sự chấm dứt như Ford đã từng quan tâm. Đoạn văn đó như sau:  
“Ngày hôm nay, Mỹ quốc có thể lấy lại niềm tự hào đã có trước Việt Nam. Nhưng nó không thể được hoàn tất bằng cách tái đấu một cuộc chiến đã kết thúc theo như Hoa Kỳ từng quan tâm. Như tôi đã thấy rõ vấn đề thời gian đã đến để nhìn tới một chương trình cho tương lai để thống nhất, hàn gắn vết thương của quốc gia và phục hồi sức khỏe và niềm tin lạc quan.”  
Kiểm soát lại vấn đề, bộ tham mưu tòa Bạch Ốc xác quyết rằng không phải Scowcroft hay tôi đã được tham khảo về lời văn trên và mô tả bài diễn văn như là bản tuyên ngôn độc lập của tổng thống do ngoại trưởng soạn ra.  
Điều mà kẻ lạc quan nhìn vào đoạn chú ý trên không thể hiểu rõ là chiến tranhh đẵ chấm dứt, phần còn lại chỉ là có bao nhiêu người Việt chúng ta có thể cứu vớt và chuyện chúng ta được phép cưu mang hoạt động nhân đạo này sẽ được tồn tại đến bao lâu nữa? Có vài ngộ nhận mơ hồ về chuyện chúng tôi có thể tiến được bao xa để hoàn tất mục tiêu vạch sẵn. Tôi trình bày chiến lược này trước Ủy ban định chế hạ viện ngày 21/4.  
“Những khó khăn của chúng ta, vấn đề của chúng ta trong 10 ngày qua đã dẫn chúng ta đến chiều hướng chúng ta có thể cứu vớt tối đa tổng số nhân mạng mà cùng lúc đã không gây ra kinh hoàng có thể ngăn ngừa sự độ sinh. Nếu quý vị thông cảm đây là nguyên tắc căn bản của đường lối chúng ta trong 10 ngày qua, thì nó là điểm then chốt chìa khóa để biết nhiều vấn đề đã được thi hành”.  
Trên thực tế, bài diễn văn ở Tulane không làm thiệt hai đến thái độ của Ford đối với vấn đề. Hết ngày đó, ông ta chỉ thị Ron Nessen thông báo cho toàn dân biết là ông vẫn giữ yêu cầu 722 triệu viện trợ cho Việt Nam. Giữa những xáo trộn tình cảm chung quanh chúng tôi, tôi thấy không có điểm nào cần tranh luận về bài diễn văn với tổng thống cả. Tôi không bao giờ nêu vấn đề và Ford cũng không bao giờ muốn giải thích. Bề ngoài hình như ông ta không xem bài diễn văn đọc tại Tulane có ý nghĩa như vài người thân cận nghĩ, vì ông ta không ghi lại trong hồi ký của ông.  
III – DI TẢN  
Vài ngày sau bài diễn văn ở Tulane, tình hình yên tĩnh, mặc dầu bọn cộng sản đã tiến quân với trọng pháo gần tới phi trường Tân Sơn Nhất. Có phải chúng tái phối trí để xung phong lần cuối cùng? Hoặc chúng mở một lối thoát cho cuộc di tản?  
Hiện tại chúng đang tiến hành cả hai. Ngày 24/4, Dobrynin gọi điện thoại lúc 4 giờ chiều và đọc cho tôi nghe thư trả lời của Nga Sô về ý kiến chúng tôi ngày 19/4. Nó có nghĩa như lời giải thích bật đèn xanh đê di tản Mỹ kiều và nó xác quyết Hà Nội sẽ tìm một giải pháp chính trị dựa theo Hòa đàm Ba Lê. Bắc Việt xác nhận với Mạc Tư Khoa rằng chúng “không có ý định làm tổn thương đến danh dự của Hoa Kỳ”. Điều này làm cho Brezhnev không sợ khi cố gắng giới hạn sự phiêu lưu không có người Mỹ hiện diện bằng cách bày tỏ mối hy vọng rằng chúng tôi sẽ không hành động “với mối đe dọa làm trầm trọng thêm tình thế hiện tại của Đông Dương”.  
Nêu ý kiến Nga Sô có nghĩa là hình như xác nhận như thế, thì có nhiều điều dễ thở cho công cuộc di tản. Mặc dầu ý kiến đó chú trọng đến sự di tản Mỹ kiều, nhưng ảnh hưởng thực tế vẫn giúp di tản người Việt, kể từ khi chúng ta di tản cả hai nhóm cùng một lúc và cùng trên một chuyến bay. Và nếu Hà Nội thực sự có ý định đem lại thay đổi chính trị bằng những phương thức dự trù trong thỏa hiệp Ba Lê thì chúng ta sẽ có nhiều thì giờ hơn nữa.  
Dĩ nhiên, giải pháp vẫn giống nhau: cộng quân sẽ thôn tính toàn bộ, điều mà chúng ta đã kháng cự gian khổ suốt 2 thập niên. Vì vậy, với mục đích giải cứu nhiều nhân mạng người Việt chúng tôi đã sẵn sàng sửa soạn để ứng phó. Ý muốn của Brezhnev tôn trọng hội nghị về Anh Ninh Âu Châu đã cho chúng tôi một chút tin tưởng – mặc dầu mọi điều trần trước Quốc Hội đã phá tan mối đe dọa cuối cùng mà chúng tôi có thể bị lại trong phút chót.  
Buổi họp tham mưu ở bộ Ngoại giao để cứu xét thông điệp của Brezhnev đều đồng ý chúng tôi sẽ dùng nó để được thêm thì giờ mặc dầu Bill Hyland, giám dốc văn phòng tình báo và sưu tầm, đã ước lượng “chút xíu” chỉ còn gần một tuần nữa thôi. Bởi vậy nên tôi chỉ thị Martin giảm bớt số lượng Mỹ kiều xuống dưới 800 (con số có thể không vận trong 2 tiếng rưỡi đồng hồ theo sự ước lượng của Tham Mưu trưởng (Liên Quân), và sau đó “thi hành chính sách nhỏ giọt” số còn lại ngõ hầu sự không vận có thể tiến hành để bốc tối đa những người Việt.  
Chiều ngày 24/4, Ford triệu tập Hội Đồng An Ninh Quốc Gia để duyệt lại kế hoạch di tản. Schlesinger tiếp tục khuyến cáo di tản tức khắc số Mỹ kiều còn lại và lẽ dĩ nhiên sẽ chấm dứt luôn cả việc bốc người Việt. Ford đã kết luận buổi họp này như đã tuyên bố trong ngày 9/4:  
Ford: “Tôi hiểu sự nguy hiểm liều lĩnh. Đó là phần của tôi và tôi sẽ làm. Nhưng hãy cố tin chắc chúng ta thi hành lệnh.”  
Rockefeller: “Ông không thể bảo đảm quyền lợi của Mỹ quốc mà không liều lĩnh d.”  
Ford: “Với sự trợ giúp của Thượng Đế”  
Nắm vững mọi triển hạn có thể có trong giờ chót, chúng tôi trả lời Nga sô lúc 8giờ 25 tối ngày 24/4. Trong thông điệp của chúng tôi, chúng tôi đặt một số câu hỏi với hy vọng cuộc không vận dân tị nạn có thể tiếp tục trong lúc Nga sô sửa soạn câu trả lời. Trong thông điệp chúng tôi ghi rằng, xét về sự trả lời xây dựng (Nga sô)... phía Mỹ đang tiến hành cuộc di tản Mỹ kiều với điều kiện thuận tiện. Chúng ta yêu cầu Hà Nội cho ý kiến làm sao thực thi những điều cam kết ghi ở thỏa ước Ba Lê có liên quan đến giải pháp thi hành một sự thiết lập chính trị. Tổng thống lại trấn an brezhnev rằng chúng tôi ngưng thi hành những điều mà Quốc Hội trong mọi tình huống đã ngăn cấm. Từ lâu đã không có sự can thiệp nào trong việc di tản, chúng tôi ghi tiếp, Hoa Kỳ sẽ không có một bước tiến nào khả dĩ làm cho tình hình thêm căng thẳng.  
Đó chỉ là những hạt kê nhỏ trong chén súp, nhưng nhu tơi đã nói trong buổi họp tham mưu ở bộ Ngoại Giao, bây giờ vấn đề còn lại là sự căng thẳng thần kinh. Tuy nhiên, có một giới hạn có thể chu toan bằng phương tiện ngoại giao, đặc biệt là khi đối thoại với những cặp mắt cú vọ của những máy tinh từ phía Hà Nội.  
Trong đêm 28/4, giờ Hoa Thịnh Đốn (29/4 ở Việt Nam) sự sụp đổ cuối cùng của Sài Gòn bắt đầu với mưa pháo tấn công vào phi trường Tân Sơn Nhất. 8 ngàn người Việt có tính mạng bị đe dọa và 400 Mỹ kiều được tập trung ở đó để các chuyến bay di tản tuần tự bốc mà không bị đình trệ.  
Mặc dầu cuộc pháo kích sớm chấm dứt, đám dân tị nạn xấu bắt đầu nổi loạn. Kinh hoàng, hoảng hốt, họ ào ra giữa phi đạo và cản trở sự không vận. 10 giờ 45 tới (giờ Hoa Thịnh Đốn) ngày 28/4 Ford rất do dự khi ra lệnh cuộc di tản cuối cùng. Trước đó một lát, chúng tôi đã hội đàm không phải nghĩa của danh từ đao to búa lớn mà theo đó cơ hội có thể xuất hiện trong những sách lịch sử sau này. Mà với cảm nghĩ tưởng niệm những nạn nhân xấu số mà chúng tôi đã bỏ rơi lại đằng sau:  
Kissinger: “Họ có đủ thẩm quyền gởi yêu cầu không vận khẩn cấp bất cứ lúc nào trong đêm nay, đêm của chúng ta – và họ phải yêu cầu trước khi ngày chấm dứt ở bên đó.”  
Ford: “Cuối ngày ở bên đó hay sáng mai ở đây?”  
Kissinger: “Sáng ngày hôm sau ở đây nếu C -I 30 không cất cánh được thì trực thăng vận sẽ đảm trách.”  
Ford: “Đó là một điều nhục nhã thực sự, 24 giờ nữa hay 12 giờ nữa?”  
Kissinger: “12 giờ nữa và chúng ta sẽ cứu vớt được 8000 nhân mạng.”  
Ford: “Ông Henry ơi, chúng ta đã làm hết sức mình có thể.”  
Kissinger: “Thưa tổng thống, ngài một mình chủ động vấn đề chống lại mọi lời khuyến cáo và chúng ta đã đùa giỡn từ lâu như trò chơi.”  
Ford: “Ừ, tôi hy vọng tướng Smith và Graham Martin bây giờ sẽ hiểu chúng ta đang ở đâu và sẽ không do dự để hành động.”  
Kissinger: “Ờ, chúng ta cần hỏi lại Martin coi. Tôi đã nói chuyện với ông ta 15 phút trước đây. Tôi không thể nói rằng ông ta muốn làm vậy nhưng ông sẽ làm như vậy. Ông ta muốn ở lại với 2 người để lo cho những người Mỹ có thể xuất hiện vào giờ chót. Nhưng tôi không nghĩ là chúng ta có thể thanh minh được.”  
Ford: “Tôi cũng không nghĩ vậy, Henry ạ.”  
Kissinger: “Chúng ta không thể cho chúng nó bất cứ con tin nào.”  
Để có một ý niệm rõ rệt hơn về sự ô hợp lạ lùng của tình trạng chán nản và buồn thảm của những giờ phút cuối cùng này tôi xin kèm theo đây những cuộc đối thoại nổi bật trong sổ nhật ký.  
11 giờ tối, tôi gọi điện cho Martin và nói với ông ta hãy xả láng: mọi Mỹ kiều phải cùng lượt ra đi với nhiều người Việt chừng nào tốt chừng đó được chở trên những trực thăng đầy ắp trong cái gọi là ngày cuối cùng của không vận. Martin đồng ý về di tản nhưng đề nghị ở lại với 2 người tình nguyện để giám sát sự chuyển tiếp trật tự đã xác nhận sự nghi ngờ của tôi rằng ông ta dự tính tự tử như tướng George “Chinese” Gordon – vị tư lệnh lừng danh của Anh đã bị quân Mahdi giết ở Khartoum năm 1885 sau khi ông ta từ chối ra đi. Chúng tôi cần ít sự kiện hơn là để cho ông Đại Sứ của chúng tôi ở Sài Gòn bị bắt làm con tin bởi Bắc Việt trong ngày mà mọi nổ lực của chúng tôi ở đó bị thất bại. Vì thế tôi ra lệnnh Martin phải ra đi: “chúng tôi muốn những người anh hùng của chúng tôi phải trở về Hoa Thịnh Đốn, họ không có nhiều ở đây.”  
Mọi ghi nhận không được rõ rệt về sự kiện Hà Nội gia tăng tấn công vào Sài Gòn ở lúc chót hoặc chúng đang theo một kế hoạch theo đó sự trả lời của chúng với Nga sô là điều thất vọng cuối cùng. Trong lúc này, tôi tin rằng bài diễn văn của Ford ở Tulane đã dục Hà Nội đi tới thời điểm, bởi vì kết quả là nó đã xóa bỏ sự nguy hiểm cuối cùng của sự tái can thiệp của Mỹ – mặc dầu hiện tại thực sự cần phải có một mức độ phi thường về hoài nghi phi lý của bắc Việt để quan tâm kỹ đến sự đe dọa này. Hồi ký của tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh, không nhắc đến bài diễn văn của Ford, như người ta đã làm trong hầu hết những dẫn chứng khác trong các cuộc tranh luận ở quốc nội Hoa Kỳ. Theo Dũng, tuy nhiều, điều thúc dục Hà Nội có quyêt định nhanh là “Kế hoạch ngoại giao khôn khéo” của Mỹ và bù nhìn của họ.  
“Những kế hoạch ngoại giao khôn khéo của Mỹ-ngụy dồn dập tới, kèm theo những sự đe dọa nhắm vào chúng ta, có mục đích ngăn chận quan ta tổng tấn công Sài Gòn, và làm cho ta càng phải đánh gấp hơn, tấn công mau hơn, và tranh thủ từng giờ, từng phút để dành thắng lợi hoàn toàn.”  
Ý kiến của Hà Nội về “những kế hoạch ngoại giao khôn khéo” là Sài Gòn có thực hiện tốt từng bước mà phong trào phản chiến Mỹ đã đòi hỏi từ thập niên qua: Thiệu pahỉ từ chức và nới rộng chính phủ. Thiệu đã ra đi và trong ngày 24/4, người kế vị là tổng thống Trần Văn Hương, đã nới rộng chính phủ bằng cách mời tướng Dương Văn Minh giữ chức Thủ Tướng. “Minh cồ”, như tên hiệu của ông ta, là nguồn hy vọng lớn của những nhóm chống đối Việt Nam từ năm 1967 khi ông thất bại trong cuộc tranh cử gay go với Thiệu. Làm người trung lập, Minh cồ có thể được Việt cộng chấp thuận, mặc dầu Lê Đức Thọ đã bày tỏ với tôi sự chống đối hoàn toàn.  
Trong sự đấu tranh cuối cùng để chọn ai là thuyền trưởng của con tàu sắp chìm, Minh từ chối chức Thủ tướng vì ông cho rằng sự đề nghị do chính quyền cũ mà nay đã bị lật đổ. Thay vào đó, ông ta dòi Quốc Hội chỉ định ông làm tổng thống với trách vụ chấm dứt chiến tranh và thành lập một chính quyền chuyển tiếp. Hai ngày qua để hoàn tất thủ tục đề nghị này, và “Minh cồ” các cuối cùng được phong tổng thống ngày 27/4. Ông chỉ được tại chức trong 72 giờ, chỉ vừa đủ để làm hai việc: ông ta yêu cầu Hà Nội ngưng bắn và mở cuộc thương thuyết chính trị và đã bị bác khước. Và ngày 29/4 ông ra lệnh mọi Mỹ kiều phải rơì khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ. Vì điều này trùng hợp với kế hoạch rút lui của chúng tôi nên nó đã giúp chúng tôi ra đi mà tránh được lời cáo buộc chúng tôi đã bỏ rơi đồng minh, bạn hữu. Đồng thời, văn phòng ngoại giao Pháp dự tính thiết lập sự tiếp xúc ngoại giao giữa người đại diện Mặt trận giải phóng ở Ba Lê và những nhà ngoại giao Mỹ – mà phía mặt trận rất nôn nóng cần gặp.  
Nhưng những nhà lãnh đạo Hà Nội không phải đã chiến đấu trong 3 thập niên để rồi bây giờ chấp nhận một chính phủ chuyển tiếp tại Sài Gòn, không được độc lập ngay cả nếu là cộng sản chăng nữa. Ngược lại, sự tấn phong Minh có thể làm cho Hà Nội đánh mau hơn. Hình như đã chuẩn bị trước sẵn sàng cho Thiệu một thời gian sửa soạn hơn là đám người kế vị có nhiều thất vọng.  
Chế độ Thiệu đã sụp đổ và vài ngày nữa cũng không thể làm sống lại d. nhưng nếu một chính phủ được quốc tế thừa nhận xuất hiện tại Sài Gòn có thể phụ trách việc ngưng bắn và nói chuyện với Hoa Kỳ thì nó có thể đưa đến sự độc lập cho nam Việt – mặc dầu là một thể chế cộng sản. Hà Nội sẽ không chấp nhận điều này. Vậy trận chiến cuối cùng của Hà Nội tại Sài Gòn có thể xảy ra với người người cộng sản tại Việt Nam mà phong trào đấu tranh của nhóm phiến loạn đã khởi đầu tấn thảm kịch toàn diện từ nhiều năm trước đây.  
Cũng không ngạc nhiên gì, sự tiếp xúc với mặt trận ở Ba lê không bao giờ thực hiện được.  
IV. NGÀY CUỐI CÙNG  
Sau khi yêu sách tòa Bạch Ốc trong 3 tuần lễ để tiến hành nhanh chóng cuộc di tản, kế hoạch của Ngũ Giác Đài để hoàn tất đã xảy ra đúng kỳ hạn. Đã có vài sơ hở trong sự điều hợp giữa đoàn trực thăng trên các hàng không mẫu hạm và chiến thuật không vận để yểm trợ tại căn cứ Thái Lan, đưa đến sư bất đồng giữa các vị tư lệnh về vấn đề cuộc hành quân sẽ được khởi sự vào lúc náo, vào giờ quốc tế Greenwich hay giờ địa phương. Một thời khóa biểu đã phải thiết lập và cuộc hành quân đã khởi diễn chậm vài giờ.  
Trong khi những Mỹ kiều được bốc đi từ mái nhà tòa Đại Sứ Mỹ trong sáng 29/4 (giờ Hoa Kỳ), Ford, Schlesinger cà tôi thuyết trình trước các nhà lãnh đạo Quốc Hội. Tiếp tục giữ lập trường như ngày hôm qua, các nhà lập pháp cố tìm một giải pháp chính trị cho thấy sự di tản mà chúng tôi đang thực hiện sẽ kết thúc khả năng của Hoa Kỳ ảnh hưởng đến hậu quả chính trị.  
Sau đó, mọi người im lặng. Tôi ngồi cô đơn nơi góc phòng của cố vấn an ninh quốc gia ở cánh trái của tòa Bạch Ốc bao trùm bởi một sự hiu quạnh thỉnh thoảng đợi chờ những biến cố mới có thể xảy ra. Văn phòng Cố Vấn An Ninh Quốc Gia là trung tâm chỉ huy của Hoa Thịnh Đốn để điều hành cuộc di tản tại Việt Nam mặc dầu hành quân không vận được điều động bời Ngũ Giác Đài. Kế hoạch được Ngũ Giác Đài soạn thảo kỹ càng dựa theo yêu cầu khẩn thiết phải gia tăng tốc độ di tản đã bảo đãm cho Ford và tôi tin tưởng hoàn toàn sẽ có thể bị trục trặc vào giờ chót chăng? Nói một cách khác, Ford hay tôi cũng không thể còn ảnh hưởng đến thành quả được nữa, chúng tôi chỉ còn là khách bàng quan của hành động cuối cùng . Vì vậy chúng tôi ngồi trong văn phòng cảm thấy thảnh thơi, không còn trách nhiệm nữa đối với bi kịch đang xảy ra, với sự bình an hiếm có trong văn phòng thượng đỉnh này.  
Thực ra đó chỉ là một bộ chỉ huy mà không có chi để làm. Ford và tôi nhận những báo cáo đều dặn về tiến trình cuộc di tản. Phụ tá của tôi là Brent Scrowcroft theo dõi kỹ từng chi tiết ; mà không có ý kiến riêng hay đề nghị gì, chúng tôi không bao giờ có một cuộc rút lui danh dự, nếu cuộc rút lui trong những điều kiện này có thể được mô tả là danh dự Robert C. “Bud” Mcfarlane, người cố vấn An Ninh Quốc Gia cho tổng thống Reagan sau này, chịu trách nhiệm về quản trị hành chánh văn phòng tôi. Ông đã phục vụ ở Việt Nam và bây giờ với nước mắt đoanh tròng, đã phải chấp nhận mọi cơ chế của sự sụp đổ. Rất nhiều bạn TQLC của ông ta đã tử trận ở Việt Nam để làm cho thảm trạng này đừng xảy ra. Bud vô cùng xúc động, mặc dù ông ta đã là một cố gắng hào hùng và gần như thành công để tránh ràng buộc những người còn lại của chúng tôi vào nỗi đau đớn này.  
Trong nỗi trầm kha huyền bí này, hình ảnh Việt Nam đã diễn lại trong trí tôi một quá khứ trôi qua chậm chạp, tôi cảm thấy khó khăn để phân tích những quyết định khác nhau đưa đến niềm hy vọng lúc này. Nếu tôi nghĩ vậy, có thể tôi đã kết luận rằng như tôi vẫn tin tưởng rằng thực sự không có điều nào khác ngoài chuyện giấu hàng ngày chiến lược chúng tôi đang theo đuổi. Những điều làm tôi đau khổ trong những giờ phút này là vai trò của tôi trong hành động cuối cùng sắp tới: thương thuyết gấp với Lê Đức Thọ đã bị bỏ dỡ về đề nghị ngày 8/10/1972. Không còn nghi ngờ gì nữa, Bắc Việt đã công bố cho toàn thế giới rõ sớm hơn chúng tôi làm. Thiệu cũng cố đào sâu vấn đề không kém; hậu quả ngoại giao nếu có) sẽ không được khả quan cho lắm. Quốc Hội sẽ bắt buộc kết thúc bằng một quyết định cúp viện trợ. Điều làm cho tôi đau khổ chưa bao giờ thấy là hoặc giả kết quả đó không được tốt đẹp hơn. Có phải là sự mất tinh thần của chế độ Sài Gòn đưa đến sự sụp đổ vào năm 1975 đã bắt đầu với những buổi hội đàm mà chúng tôi đặt ra từ 1972? Có phải là Nixon và tôi đã yêu sách quá nhiều khi chúng tôi cố tình bao quát vấn đề cân nhắc quan niệm về danh dự quốc gia? Có một căn bản tự hào lạc quan nào về cuộc thương thuyết của phái đoàn tôi và tôi ngày 8/10/1972, khi Lê Đức Thọ, thực ra muốn chấp nhận thời hạn của chúng tôi, và chúng tôi tự nghĩ về cả hai điều mong muốn cùng một lúc: chấm dứt chiến tranh trong danh dự và sự hòa hợp quốc gia?  
Các đồng nghiệp của tôi và tôi tin rằng nhiệm vụ của chúng tôi là tranh đấu cho một giải pháp khác hơn là tái lập chủ quyền. Những người chống đối có thể tranh đấu cho Việt Nam có một xã hội phồn vinh, nhưng khi các đồng nghiệp của tôi và tôi nghĩ về Việt Nam thì vấn đề là tri ân hai giới nam nữ – những chiến sĩ và sĩ quan phục phụ hải ngoại – đã từng chiến đấu và đau khổ ở đây và những người bạn Việt của cta bây giờ phải đương đầu với một số phận bấp bênh và chắc chắn là khổ sở. Những người Mỹ này đã tin tưởng lương thiện rằng họ đã bảo vệ tự do chống lại kẻ thù bạo tàn trong rừng rậm và trên những cánh đồng lúa rộng lớn. Bị quần chúng khinh bỉ đánh giá thấp, Quốc Hội mạt sát, phong trào phản chiến mĩa mai, họ đã giữ vững truyền thống lý tưởng của Mỹ quốc, liều chết và dấn thân tuổi trẻ vào một cuộc chiến mà một nhóm nhà lãnh đạo Mỹ đã khởi xướng rồi vứt bỏ và cuối cùng khước từ. Chính họ chứ không phải một thiểu số xấu, mục đích của họ chứ không phải sự htất bại tối hậu, trách nhiệm của Hoa Kỳ đối với nền an ninh thế giới tự do chứ không phải sự tức giận liên hệ đến những điều trên đã tạo nên tư tưởng của tôi khi tôi ngồi tại bàn giấy và Việt Nam đã bị sụp đổ.  
Giấc mơ của tôi đã bị cắt ngang bởi một cú điện thoại gọi cho biết ngày hôm đó một chuyện không dính líu gì đến vụ trực thăng vận. Mà là của Lew Wasserman, nguyên chủ tịch MCA, một công ty viễn thông Hồ-Ly-Vọng và là một bạn thân: “mục đích của cuộc điện đàm này là để báo cho ông rõ là mọi vấn đề ông đang giải quyết ở đó đã có một số bạn của ông ở đây lo cho ông.” Rồi ông ta gác máy trước khi tôi có dịp trả lời. Lew Wasserman là một đảng viên dân chủ, một người chuyên môn chỉ trích đường lối của chúng tôi về Việt Nam, và tôi không thể nhờ vậy gì được nơi các dịch vụ của ông ta. Đó là một cử chỉ ưu ái và tôi không bao giờ quên ơn ông ta.  
Rồi bên bờ vực thẩm của tử thần Việt Nam đã đưa tôi về với buồn giận và bi đát. Bây giờ là xế chiều ở Hoa Thịnh Đốn, và sau nửa đêm ở Sài Gòn, mặc dầu có sự chấp thuận từ đầu chấm dứt không vận lúc chạng vạng ở Việt Nam, Ford đã ra lệnh vẫn tiếp tục suốt đêm ngõ hầu một số lớn người Việt có thể được cứu vớt bốc đi – nhất là những người còn kẹt lại trong sân tòa đại sứ. Khoảng 2 giờ chiều tôi được báo cáo còn 760 người ở đó và với bất cứ lý do nào chỉ co 1 trực thăng đáp xuống 2 giờ trước đó. Tôi gọi Schlesinger để bàn tính làm sao chúng tôi có thể di tản nhóm người này và cùng một lúc thiết lập một kỳ hạn chót buộc cuộc di tản phải hoàn thất. Thật rõ ràng là Bắc Việt sẽ chắc chắn chiếm Sài Gòn lúc rạng đông. Ngay lúc này Schlesinger và tôi hành động rât ăn khớp. Chúng tôi dự trù 13 trực thăng sẽ đột xuất. Nhưng muốn bảo đảm chắc ăn, chúng tôi đồng ý sẽ phải sử dựng đến 19 chiếc. Martin sẽ là người cuối cùng trên chiếc trực thăng chót.  
Cuộc đàm thoại giữa Schlesinger và tôi trong thời gian ban bố quyết định này đã đạt kết quả và làm cho bầu không khí của giờ phút này dễ chịu hơn bất cứ một cuộc hội thoại nào:  
Kissinger: “Ông Jim.”  
Schlesinger: “Dạ chào ông Henry. Chúng ta đã gửi một thông điệp cho họ vì những loại trực thăng 46 cũng như 53 – tổng số là 19 chiếc sẽ di tản 760 người còn lại – là tất cả tàu mà ông ta (Martin) có, và chúng ta mong họ- ông ta – sẽ ra đi trên chiếc thứ 19 là chuyến sau cùng để kết thúc luôn vào khoảng 3g 30 sáng”.  
Kissinger: “Bây giờ ông nói với ông ta, ông Jim ơi, nếu ông không thêm đây là lệnh của tổng thống thì ông ta sẽ không thi hành đâu.”  
Schlesinger: “Đúng lắn,một chúng tôi sẽ thi hành.”  
Kissinger: “Đó là điều mà tôi muốn chắc ông sẽ nói thêm như vậy.”  
Schlesinger: “Tôi sẽ làm đúng y như vậy. Ông ta là một nhân vật với một sứ mạng.”  
Kissinger: “Ồ, ông ta có một người con trai tử trận tại đó.”  
Schlesinger: “Vâng, ông nên thán phục ông ta.”  
Kissinger: “Hãy nhìn kỹ những suy tư của ông ta đã đi đúng chiều hướng.”  
Schlesinger: “Đúng như vậy. Tưởng nhớ và nghị lực.”  
Kissinger: “Và tôi nghĩ...”  
Schlesinger: “Ông khóc...”  
Kissinger: “Tôi nghĩ ông và tôi sẽ rất sung sướng làm điều này.”  
Tôi ghi lại giai doạn nầy bởi vì 20 năm sau tôi đã xem một chương trình vô tuyến truyền hình kể lại một ông đại tá quá xúc động kể nỗi khổ tâm của ông ta khi nói có 400 người bạn Việt của Hoa Kỳ bị bỏ lại bên trong tòa đại sứ là nơi mà ông ta đã điều hành cuộc di tản. Tôi đã bùi ngùi và đi tìm gặp ông đại tá đó ở trường đại học chiến tranh lục quân và xác nhận lời tuyên bố của ông ta trong chương trình đó. Không ai nói với tôi điều đó cả, cũng như không có một hồ sơ lưu trữ nào về sự bỏ rơi trong nhiều buổi họp tham mưu chung quanh biến cố này cả.  
Tôi vẫn còn chưa hiểu những gì đang xảy ra. Tôi biết 19 chiếc trực thăng đã rời khỏi tòa đại sứ – vì tôi đã được báo cáo sau mỗi chuyến cất cánh và martin đã bay trên chuyến cuối cùng. Tôi không có một giải thích nào tại sao có người bị bỏ sót lại ngoại trừ cổng sắt tòa đại sứ đã được mở lại để được đón thêm một nhóm khác sau con số nguyên thủy 760  
Không lâu sau 4 giờ chiều tôi đã trấn an George Meany, chủ tịch AFL-CIO rằng những nhà lãnh đạo nghiệp đoàn lao động đã được bốc đi. Lời yêu cầu của ông ta là một trong nhiều yêu cầu gửi đến chúng tôi để di tản một số người Việt có nhiều liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ. Đến 4g 58 giờ Hoa Thịnh Đốn (4g 58 sáng hôm sau ở Sài Gòn) Martin rời khỏi tòa đại sứ ra đi trên chuyến trực thăng thứ 19 hay sau chót hay cái mà chúng tôi nghĩ là cuối cùng. Ông ta đã thi hành một công tác phi thường. Chỉ huy quán xuyến, nhiều khi ương ngạch cứng đầu; ông ta là một người tận tâm can đảm như ông ta từng là người cẩn thận chu đáo. Trong một thời gian 2 tuần lễ martin đã điều hợp nhịp nhàng cuộc đi tản trên 50 ngàn người Việt và 6000 Mỹ kiều mà chỉ có 4 người bị thương. Ông ta đã giữ cho tình thế được yên tĩnh bình thường để có thể di tản 80 ngàn người tị nạn khác. Câu văn phụ thêm tôi gửi cho ông ta trên chiếc tàu cứu nạn đã xuất phát từ trái tim tôi.  
Tôi chắc rằng ông biết tôi nhận cảm sâu xa đến chừng nào về công tác ông thực hiện trong những điều kiện ngặt nghèo, xin ông hãy nhận lời tri ân sâu xa tự tim tôi và những lời thán phục nồng hậu.  
Brent Scowcroft, người đã từng trao đổi hầu như hàng ngày với Martin đã thêm vào phần tái bút: “Gramham ông là thần diệu. Ký tên: Brent”. Đối với Brent đây là điều tương đương với sự tuyên dương ôcng trạng Martin với huy chương danh dự Scowcroft.  
Ngay sau khi tôi nghĩ là chuyến trực thăng cuối cùng đã cất cánh tôi băng ngang qua khoảng trắng giữa tòa Bạch Ốc và tòa nhà văn phòng điều hành quản trị cũ để họp báo. Tóm tắt các biến cố torng ngày, tôi giải đáp các câu hỏi, niềm tin tưởng thúc đẩy dồn dập là buộc tôi xác nhận quan điểm có sẵn của các phóng viên là một việc đã xảy ra là một lỗi lầm không thể tha thứ được. Bực bội về những thảm trạng xảy ra cùng lúc trên thế giới, tôi đã từ chối trách nhiệm:  
“Tôi nghĩ rằng đây không phải là một cơ hội, khi người Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Sài Gòn, để đánh giá 1 thập niên rưỡi của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, bởi vì cũng rât công bình mà nói rằng nếu năm thời chính quyền đảm nhiệm, sau hết tất cả bởi những con người phục vụ cho quyền lợi của mẫu quốc họ đã đưa đến những kết luận có thể có những trục trặc trong vấn đề đánh giá của họ ngay cả nếu co những lý do khác biệt làm cho mọi cố gắng không thể thành công được.  
Như tôi đã đề cập tời, có những yếu tố đặc biệt quyết định trong những năm gần đây. Nhưng tôi nghĩ rằng những cái gì mà chúng ta bây giờ cần ở quốc gia này, ít ra là vài tuần lễ và hy vọng trong vài tháng tới là hàn gắn vết thương và thông qua vấn đề Việt Nam và chỉ chú tâm vào những vấn đề trong tương lai mà thôi.  
“Trở lại văn phòng tôi, tôi vẫn nhận thấy rằng Việt Nam vẫn còn khó bỏ qua được dễ dàng.”  
Trong khi Graham Martin và những cộng sự viên còn lại của tòa địa sứ đã ra đi thực sự lúc 4g 58 sáng giờ Sài Gòn những đơn vị của lũ đoàn 9 thủy bộ bảo vệ cuộc di tản – gồm có 129 TQLC đã bị bỏ rơi lại vì vài lý do khó hiểu, không giải thích được. Những điều đáng tin cậy được nhen nhúm quanh sự việc này, nhưng những người trong chúng tôi ở phòng hội tòa Bạch Ốc không có thì giờ để nghĩ đến dư luận bên ngoài. Trực thăng vận đã hoàn tất. Đã 7g 53 tối giờ Hoa Thịnh Đốn và (đã thực sự là ban ngày ở Sài Gòn) khi chuyến trực thăng bốc người lính TQLC cuối cùng rời khỏi mái nhà tòa đại sứ.  
Hai giờ sau đó đoàn xe tăng Bắc Việt lăn bánh vào Sài Gòn, một chiếc trong bọn ủi xập cổng chính của dinh độc lập. Không có sự bàn giao chính quyền bởi vì như thế sẽ áp đặt một sự độc lập hiện hữu hay ít ra là tự trị, Nam Việt Nam. Thay vì như vậy Minh cồ và toàn thể văn phòng nội các ông ta đã bị quản thúc và biến mât khỏi dư luận công cộng.  
Chính phủ cách mạng lâm thời thoát thai từ mật trận giải phóng gây ấn tượng torng chính giới tây phương từ thập niên qua như là một chính phủ liên kết mọi thành phần ở Nam việt – cũng biến mất với Minh cồ. Trong vòng một năm cả hai Việt Nam được thống nhất theo truyền thống của cộng sản. Không phải là nền tự trị áp dặt cho miền Nam. Hàng trăm ngàn người ở miền Nam, kể cả những người ở trong chính quyền hay quân đội đều bị tập trung vào những cái gọi là “trại tù học tập cải tạo” – một danh từ hoa mỹ của các trại tập trung mà họ sẽ bị giam giữ hàng chục năm. Hàng chục ngàn người vượt biển làm thuyền nhân, nhưng nhà sư phật giáo đã từng đòi hỏi tự trị nơi nhà cầm quyền Sài Gòn đã góp phần với chính quyền Kenndy để lật đổ cố tổng thống Ngô Đình Diêm ở Nam Việt và chính phủ của ông ta đều bị bắt cầm tù trong những điều kiện hết sức dã man tàn bạo.  
Ở Hoa Thịnh Đốn, không có gì thay đổi quan trọng do thảm cảnh Việt Nam cả. Ngày 1/5/75, một ngày sau khi Sài Gòn sụp đổ, hạ viện đã bác bỏ yêu cây của Ford về ngân khoản 327 triệu để tài trợ và di trú dân tị nạn đông dương. Những nhà lãnh đạo hạ viện trong nhiều tuần họp đã tranh cải chống lại cố gắng cứu trợ người Việt, và bây giờ hạ viện lại bác bỏ ngân sách tị nạn cho những người đã được cứu vớt. Những ý kiến thứ hai rất ít và rất mập mờ.  
Cuối cùng trong chiều hướng thuận lợi để được yên ổn tâm hồn dài hạn, nay mai đây, chúng ta phải duyệt lại vấn đề tại sao những người tâm huyết của cả mọi phía đều không tìm được lối thoát để tránh khỏi sự tàn phá và tại sao tấn bi kịch nội bộ đã làm chúng ta tê liệt nội bộ đầu tiên rồi làm chuyện chúng ta phải bó tay? Như trong ngày chiếc trực thăng cuối cùng rời khỏi mái nhà tòa đại sứ thì chỉ có cảm giác trống vắng bỏ không tồn tại mà thôi. Những người trong chúng ta đã từng chiến đấu trên trận tuyến để tránh sự thiệt hại cuối cùng đều rất am hiểu thảm trạng để ôn lại lịch sử của sự can thiệp của Hoa Kỳ trong 20 năm. Và bây giờ thì đã quá chậm để thay đổi cục diện mọi tình huống.  
“The End of Việt Nam",trích từ “Years of Renewal” – 1999của Henry Kissinger, Ph.D.Phụng Hồng phỏng dịch.Báo ĐẠI CHÚNG

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: Whatever  
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên  
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003